TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 06 tháng 5 năm 2021

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Lớp trung cấp lý luận chính trị - hành chính khóa 69

1. Điểm khóa luận tốt nghiệp

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Hà Thị Dung (20/11/1984)	8,50	Tám	9	Nguyễn Thị Khuyên	8,50	Tám phẩy năm
2	Hà Thị Dung (07/9/1982)	8,00	Tám phẩy năm	10	Dương Thị Hương Thảo	7,50	Bảy phẩy năm
3	Chu Thúy Hằng	8,50	Tám phẩy năm	11	Trịnh Thị Chiều Thúy	8,50	Tám phẩy năm
4	Nông Thị Hường	8,50	Tám phẩy năm	12	Hoàng Thị Thương	8,50	Tám phẩy năm
5	Lương Thu Huệ	8,50	Tám phẩy năm	13	Trần Minh Tiệp	8,25	Tám phẩy hai năm
6	Bế Kim Huy	8,00	Tám	14	Bế Thùy Trinh	8,50	Tám phẩy năm
7	Lê Thành Nam	8,50	Tám phẩy năm	15	Lâm Mạnh Trường	8,25	Tám phẩy hai năm
8	Đào Duy Khánh	8,50	Tám phẩy năm				

2. Điểm thi tốt nghiệp

1	Chu Tuấn Anh	7,25	Bảy phẩy hai năm	33	Nông Phương Lan	7,50	Bảy phẩy năm
2	Mã Thị Bến	7,42	Bảy phẩy bốn hai	34	Phương Nguyễn Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Lương Thị Thu Bền	7,08	Bảy phẩy không tám	35	Lý Thị Lê	7,17	Bảy phẩy mười bảy
4	Vũ Huyền Chi	7,58	Bảy phẩy năm tám	36	Nguyễn Văn Linh	7,25	Bảy phẩy hai năm
5	Nguyễn Ngọc Chiến	7,08	Bảy phẩy không tám	37	Nông Thị Kim Luyến	7,83	Bảy phẩy tám ba
6	Nông Thanh Chuyên	6,83	Sáu phẩy tám ba	38	Tô Thị Ngân	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
7	Lục Văn Cừ	7,00	Bảy	39	Nguyễn Phương Nghĩa	6,58	Sáu phẩy năm tám
8	Hà Văn Cương	7,08	Bảy phẩy không tám	40	Trần Thị Tuyết Nhung	6,75	Sáu phẩy bảy năm
9	Đinh Tiến Dũng	7,00	Bảy	41	Nông Hồng Quân	7,17	Bảy phẩy mười bảy
10	Lương Văn Dũng	6,92	Sáu phẩy chín hai	42	Đoàn Thị Tâm	7,17	Bảy phẩy mười bảy
11	Nguyễn Thị Duyên	7,58	Bảy phẩy năm tám	43	Trần Quốc Tân	7,25	Bảy phẩy hai năm
12	Cao Bằng Giang	6,83	Sáu phẩy tám ba	44	Đào Thị Hoài Thanh	6,92	Sáu phẩy chín hai
13	Phan Thanh Hà	7,17	Bảy phẩy mười bảy	45	Bế Minh Thảo	7,17	Bảy phẩy mười bảy
14	Đồng Minh Hải	7,33	Bảy phẩy ba ba	46	Bế Duy Thế	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
15	Hoàng Mạnh Hải	6,33	Sáu phẩy ba ba	47	Phạm Thị Thêm	7,17	Bảy phẩy mười bảy
16	Bế Hồng Hạnh	7,83	Bảy phẩy tám ba	48	Lê Thị Thía	7,33	Bảy phẩy ba ba
17	Hoàng Thị Hạnh	7,17	Bảy phẩy mười bảy	49	Hoàng Thị Thơ	7,33	Bảy phẩy ba ba
18	Hoàng Văn Hiệu	6,50	Sáu phẩy năm	50	Nông Văn Thuận	7,42	Bảy phẩy bốn hai

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
19	Quản Thị Hòa	6,83	Sáu phẩy tám ba	51	Hoàng Trung Thực	6,50	Sáu phẩy năm
20	Nông Văn Hoành	6,75	Sáu phẩy bảy năm	52	Lê Thị Mai Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm
21	Hoàng Văn Hợp	6,67	Sáu phẩy sáu bảy	53	Nông Thị Thủy	7,92	Bảy phẩy chín hai
22	Nông Thị Huệ	8,00	Tám	54	Phùng Vương Tiến	6,92	Sáu phẩy chín hai
23	Đỗ Mạnh Hùng	6,92	Sáu phẩy chín hai	55	Riêu Hồng Tiến	7,25	Bảy phẩy hai năm
24	Hà Thị Thúy Hương	8,08	Tám phẩy không tám	56	Hoàng Đức Toán	7,25	Bảy phẩy hai năm
25	Nguyễn Thị Hương	7,92	Bảy phẩy chín hai	57	Hoàng Thị Diệp Trà	7,25	Bảy phẩy hai năm
26	Triệu Thu Hường	7,08	Bảy phẩy không tám	58	Linh Thị Thu Trang	7,42	Bảy phẩy bốn hai
27	Trương Ngọc Hữu	6,75	Sáu phẩy bảy năm	59	Ngô Thị Thu Trang	7,25	Bảy phẩy hai năm
28	Từ Văn Hữu	6,75	Sáu phẩy bảy năm	60	Lục Quang Trung	6,98	Sáu phẩy chín tám
29	Nguyễn Quang Huy	6,67	Sáu phẩy sáu bảy	61	Sái Thị Tuyết	7,08	Bảy phẩy không tám
30	Triệu Xuân Huy	7,25	Bảy phẩy hai năm	62	Bế Thị Xuân	7,00	Bảy
31	Đoàn Trọng Kết	7,17	Bảy phẩy mười bảy	63	Lê Long Xuyên	7,50	Bảy phảy năm
32	Mông Thị Phương Lan	7,83	Bảy phẩy tám ba	64	Nông Thị Hương Giang	7,00	Bảy

GHI ĐIỂM	PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH TRƯỞNG PHÒNG	HIỆU TRƯỞNG
Đoàn Thị Kim Liên	Hoàng Việt Hưng	Trịnh Thị Ánh Hoa

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIONG
TỈNH ỦY CAO BẰNG